

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ

Số: **3428** /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày **19** tháng **10** năm **2014**

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu lưu niệm đón tiếp cán bộ, con em miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954-1955 và công viên văn hóa du lịch thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Theo đề nghị của UBND thị xã Sầm Sơn tại Tờ trình số 1502/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2014; của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 553/TTr-SXD ngày 10 tháng 10 năm 2014 xin phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu lưu niệm đón tiếp cán bộ, con em miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954-1955 và công viên văn hóa du lịch thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu lưu niệm đón tiếp cán bộ, con em miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954-1955 và công viên văn hóa du lịch thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung chính sau:

**1. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu:** Thuộc địa giới hành chính phường Quảng Tiến, thị xã Sầm Sơn. Gồm 3 khu, với tổng diện tích lập quy hoạch là 37,78 ha.

**1.1. Khu A (Khu lưu niệm):** thuộc khu phố Trung Thịnh, phường Quảng Tiến, thị xã Sầm Sơn, có ranh giới như sau:

- Phía Bắc: giáp sông Mã;
- Phía Nam: giáp đường quy hoạch;
- Phía Đông: giáp công ty cổ phần cơ khí tàu thuyền;
- Phía Tây: giáp đồn biên phòng.

Tổng diện tích lập quy hoạch là 5.250 m<sup>2</sup>.

**1.2. Khu B (Khu lán trại):** thuộc khu phố Phúc Đức, phường Quảng Tiến, thị xã Sầm Sơn, có ranh giới như sau:

- Phía Bắc: giáp khu dân cư;
- Phía Nam: giáp tuyến đường hiện trạng;
- Phía Đông: giáp đường Trần Nhân Tông;
- Phía Tây: giáp đất sản xuất nông nghiệp.

Diện tích lập quy hoạch: 1985 m<sup>2</sup>.

**1.3. Khu C (Công viên văn hóa - du lịch):** thuộc đất sản xuất nông nghiệp phía Nam phường Quảng Tiến, thị xã Sầm Sơn, có ranh giới như sau:

- Phía Bắc: giáp Đại lộ Nam sông Mã;
- Phía Nam: giáp sông Đơ;
- Phía Đông giáp đất QH khu dân cư mới;
- Phía Tây: giáp sông Đơ.

Diện tích lập quy hoạch: 34,06 ha.

**1.4. Tuyến đường "Ký ức":** Có chiều dài khoảng 1,77 km gồm các tuyến đường hiện trạng khu vực và tuyến đường quy hoạch đã xác định trong đồ án quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết 1/2000 khu vực Quảng Tiến, thị xã Sầm Sơn, điểm đầu từ vị trí quy hoạch khu lưu niệm đến vị trí quy hoạch khu công viên văn hóa - du lịch. Tổng diện tích nghiên cứu QH tuyến đường 37.600 m<sup>2</sup> (3,76 ha).

## **2. Tính chất, chức năng:**

### **2.1. Khu A (Khu lưu niệm):**

- Là không gian tái hiện sự kiện lịch sử cách mạng, nơi Đảng bộ và nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Sầm Sơn đã đón tiếp đồng bào, cán bộ chiến sĩ, học sinh Miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954-1955;

- Là một tổ hợp cảnh quan với điểm nhấn chính là tượng đài, phù điêu, bia sự kiện; nhà lưu niệm, nhà dịch vụ, các công trình phụ trợ và khuôn viên cây xanh.

### **2.2. Khu B (Khu lán trại):**

- Là nơi lưu giữ kỷ niệm và nhắc nhở cho thế hệ trẻ tự hào về lịch sử hào hùng của dân tộc, truyền thống vẻ vang của các thế hệ cha anh đi trước; đồng thời là điểm tham quan du lịch của du khách, đặc biệt là con em đồng bào Miền Nam mỗi khi đến Sầm Sơn;

- Là điểm tham quan về không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng và công trình kiến trúc tái hiện sự kiện lịch sử bao gồm: Giếng tắm; khuôn viên cây xanh, lán ở kết hợp nhà bảo tàng trưng bày hình ảnh, tư liệu, kỷ vật và kết hợp dịch vụ.

### **2.3. Khu C (Công viên văn hóa - du lịch):**

- Là Công viên văn hóa kết hợp du lịch nghỉ dưỡng khu vực Bắc Sầm Sơn. Tạo cảnh quan xanh – sạch – đẹp, góp phần phát triển du lịch Sầm Sơn nói riêng và tỉnh Thanh Hóa nói chung.

- Là nơi kết hợp thể hiện các yếu tố lịch sử, văn hóa các dân tộc Việt Nam bao gồm các công trình kiến trúc đặc thù, các ngành nghề truyền thống của các vùng, miền kết hợp với các khu nghỉ dưỡng sinh thái và dịch vụ vui chơi, giải trí hấp dẫn nhằm thu hút du khách khai thác và cải thiện môi trường du lịch.

**2.4. Tuyến đường giao thông (Con đường kỷ ừc):** Kết nối các yếu tố truyền thống cách mạng dân tộc, văn hóa tâm linh và văn hóa dân gian, trở thành tuyến đường du lịch. Quy hoạch trên cơ sở tái tạo cảnh quan thời kỳ 1954.

## **3. Quy mô khách:**

Căn cứ vào lượng khách du lịch đến với Sầm Sơn và mô hình bố trí công năng hoạt động các khu chức năng, dự báo quy mô như sau:

- Khách đến tham quan, học tập, tìm hiểu lịch sử và sự kiện khu lưu niệm khoảng 300 người/ngày.

- Khách du lịch đến với khu công viên văn hóa - du lịch khoảng 700 người/ngày.

Tổng lượng du khách dự báo khoảng 1000 người/ngày

#### **4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu**

##### **4.1. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:**

Mật độ xây dựng, tầng cao và hệ số sử dụng đất phù hợp với nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

- Mật độ xây dựng chung toàn khu chiếm khoảng: 8%-12%.

- Tầng cao xây dựng trung bình toàn khu: 2-3 tầng.

- Hệ số sử dụng đất toàn khu: Khoảng 0,15 – 0,4.

##### **4.2. Chỉ tiêu các công trình hạ tầng kỹ thuật:**

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Cấp nước sinh hoạt 120 lít/người, ngày đêm.

+ Nước cấp cho công trình công cộng: 20m<sup>3</sup>/ha, ngày đêm.

+ Nước tưới cây: 20m<sup>3</sup>/ha, ngày.

+ Nước dự phòng: 20% tổng lượng nước.

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Điện cấp cho dịch vụ công cộng: 40W/m<sup>2</sup>.

+ Điện cấp cho khu văn hóa đa năng: 60W/m<sup>2</sup> sàn

+ Điện cấp cho nhà hàng: 100 W/m<sup>2</sup> sàn.

- Chỉ tiêu đất giao thông: Tỷ lệ giao thông: 20-25%.

- Chỉ tiêu sử dụng đất: 20m<sup>2</sup>/người ( kể cả giao thông tính)

- Thu gom xử lý rác thải: 100% ( 1,2 kg/ngđ).

## 5. Cơ cấu sử dụng đất, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch từng khu vực.

### 5.1. Khu A (Khu Lưu niệm):

- Diện tích khu đất lập quy hoạch: 5.250,0 m<sup>2</sup>.
- Mật độ xây dựng: 12%;
- Tầng cao công trình: 1-2 tầng.
- Hệ số sử dụng đất: 0,24 lần.

### 5.2. Khu B (Khu lán trại):

- Diện tích khu đất lập quy hoạch: 1.985,0 m<sup>2</sup>.
- Mật độ xây dựng: 25%;
- Tầng cao công trình: 1 tầng.
- Hệ số sử dụng đất: 0,25 lần.

### 5.3. Khu C (Công viên văn hóa - du lịch)

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Mật độ XD (%)	Tầng cao	Hệ số SĐĐ	Tỷ lệ (%)
*	Tổng diện tích quy hoạch		34,06				100
I	Khu đơn tiếp điều hành		8,59				25,22
1	Đất công cộng	CC	2,63				7,72
1.1	Đón tiếp điều hành	CC01	0,26	30	2	0,6	0,76
1.2	Trung tâm tổ chức sự kiện	CC02	0,59	30	2	0,6	1,73
1.3	Thế dục thể thao	TDTT	0,66				1,94
1.4	Công viên cây xanh	CV01	1,12				3,29
2	Đất dịch vụ	DV	2,63				7,72
2.1	Khách sạn	DV01	0,79	30	5	1,5	2,32
2.2	Khu dịch vụ tổng hợp	DV02	1,6	30	1	0,3	4,7
2.3	Khu dịch vụ TDTT	DV03	0,24	40	3	1,2	0,7
3	Đất giao thông	GT	2,51				7,37
3.1	Bãi đỗ xe 01	P1	0,33	10	1	0,1	0,97
3.2	Bãi đỗ xe 02	P2	0,25	10	1	0,1	0,73
3.3	Đường giao thông	GT	1,93				5,67
4	Nhà máy xử lý nước thải	NMNT	0,82	40	1	0,4	2,41
II	Khu công viên lịch sử		6,4				18,8

1	Đất công cộng	CC	5,11				15
1.1	Câu lạc bộ VH miền Bắc	CC03	0,12	40	2	0,8	0,4
1.2	Công viên cây xanh, phù điêu	CV02	4,99				14,7
2	Mặt nước	MN01	0,51	-	-	-	1,5
3	Đất giao thông	GT	0,78	-	-	-	2,3
3.1	Bãi đỗ xe	P3	0,05	5	1	0,05	0,1
3.2	Đường giao thông	GT	0,73	15	1	0,15	2,1
III	Khu du lịch dịch vụ		5,88				17,3
1	Dịch vụ	DV	2,58				7,6
1.1	Nhà Bungalow	DV04	0,37	50	1	0,5	1,1
1.2	Nhà biệt thự	DV05	1,52	50	2	1	4,5
1.3	Nhà hàng đặc sản miền Bắc	DV06	0,69	40	2	0,8	2
2	Công viên	CV	0,97				2,8
2.1	Công viên phù điêu	CV03	0,25	5	1	0,05	0,7
2.2	Công viên cây xanh	CV04	0,13	5	1	0,05	0,4
2.3	Công viên ẩm thực	CV05	0,08	5	1	0,05	0,2
2.4	Công viên nghệ thuật	CV06	0,25	5	1	0,05	0,7
2.5	Công viên vui chơi	CV07	0,26	5	1	0,05	0,8
3	Mặt nước	MN	1,09	-	-	-	3,2
4	Giao thông	GT	1,24	-	-	-	3,6
IV	Khu công viên văn hoá		9,6				28,2
1	Đất công cộng	CC	4,48				13,2
1.1	Khu VH các dân tộc miền núi	CC04	0,53	25	2	0,5	1,6
1.2	Khu VH dân tộc Tây Nguyên	CC05	0,73	25	1	0,25	2,1
1.3	Khu sinh hoạt VH các dân tộc	CC06	0,59	25	1	0,25	1,7
1.4	Công viên cây xanh	CV	2,63				7,7
-	Công viên hoa	CV08	0,23	5	1	0,05	0,7
-	Công viên VH miền Trung	CV09	0,64	5	1	0,05	1,9
-	Công viên văn hóa	CV10	0,2	5	1	0,05	0,6
-	Công viên văn hóa miền Nam	CV11	0,44	5	1	0,05	1,3
-	Công viên văn hóa miền Bắc	CV12	1,12	5	1	0,05	3,3
2	Đất dịch vụ	DV	2,25				6,6
2.1	Khu lưu trú nhà rừng Huế	DV08	0,34	25	1	0,25	1
2.2	Khu lưu trú miệt vườn Nam bộ	DV09	0,61	25	1	0,25	1,8
2.3	Nhà hàng đặc sản ba miền	DV10	0,42	25	3	0,75	1,2
2.4	Khu vui chơi giải trí	DV11	0,88	25	1	0,25	2,6
3	Mặt nước	MN	1,23	-	-	-	3,6
4	Đất giao thông	GT	1,64	-	-	-	4,8
4.1	Bãi đỗ xe	P	0,14	10	1	0,01	0,4
4.2	Đường giao thông	GT	1,5	-	-	-	4,4
V	Giao thông đối ngoại	GT	3,59				10,5

## **6. Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan.**

### **6.1. Khu A (Khu lưu niệm):**

- Bố trí các công trình: nhà lưu niệm và trưng bày hình ảnh, tư liệu và kỷ vật; tượng đài, phù điêu và bia sự kiện; khuôn viên cây xanh và vườn tượng; các công trình phụ trợ; Bến thuyền du lịch mô phỏng cầu đón tiếp của sự kiện.

- Bố trí tượng đài lớn về hình ảnh sự kiện đón tiếp cán bộ, con em miền Nam tập kết, là điểm nhấn chính cho toàn khu.

- Bến thuyền du lịch mô phỏng cầu đón tiếp của sự kiện yêu cầu khi thiết kế phải đảm bảo tính lịch sử và yêu cầu sử dụng.

### **6.2. Khu B (Khu lán trại):**

- Bố trí các công trình: phục dựng giếng nước sinh hoạt và chầu xây (hiện vẫn còn); phục dựng một số mẫu lán (lán quản lý, đón tiếp và trưng bày hình ảnh kỷ vật; lán sinh hoạt cộng đồng; lán dịch vụ lưu trú truyền thống, dân dã; lán phụ trợ - kho, bếp, vệ sinh, tắm giặt...; bia giới thiệu vị trí, sự kiện; các công trình phụ trợ).

- Yêu cầu khi thiết kế phải tái hiện sự kiện sinh hoạt tập trung của cán bộ con em miền Nam tập kết, nhằm giới thiệu đến cho du khách những hình ảnh về điều kiện sinh hoạt và sự kiện. Mặt khác phải đáp ứng được các nhu cầu sinh hoạt văn hóa cộng đồng khu phố Phúc Đức với các sinh hoạt như: CLB người cao tuổi, giáo dục cộng đồng, TDTT....

### **6.3. Khu C (Công viên văn hóa - du lịch):**

- Bố trí các khu vực công trình công cộng, các khu giới thiệu văn hóa các vùng miền trong cả nước, các công trình biểu tượng của tỉnh Thanh Hóa, các khu nghỉ dưỡng như khách sạn, nhà nghỉ độc lập thấp tầng

Yêu cầu khi thiết kế phải tạo ra không gian công viên văn hóa - du lịch, là nơi gặp gỡ và giao thoa của: Văn hóa - Lịch sử.

## **7. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.**

### **7.1. Quy hoạch san nền, thoát nước mưa**

#### **7.1.1. Quy hoạch san nền**

a) Nguyên tắc thiết kế:

- Tuân thủ theo định hướng san nền của đồ án quy hoạch chung thị xã Sầm Sơn đã được phê duyệt. Đảm bảo khả năng tiêu thoát nước cho khu vực lập quy hoạch cũng như khu vực dân cư hiện trạng bị ảnh hưởng bởi việc lập quy hoạch.

- Đảm bảo đầu nôi về cao độ san nền và thoát nước dự kiến xây dựng mới và hiện trạng

- Hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.

b) Giải pháp san nền:

- San nền tạo bề mặt đảm bảo khả năng thoát nước; cao độ san nền đường Đại lộ Nam sông Mã đang thi công và các dự án HTKT có liên quan trong khu vực; Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế với độ chênh lệch cao giữa hai đường đồng mức  $\Delta h = 0.10\text{m}$  đến  $0.2\text{m}$  bảo đảm cho mái dốc của nền có độ dốc  $i \geq 0,004$ .

- Tính toán khối lượng san lấp : Đường đồng mức thiết kế được thiết kế với chênh cao đường đồng mức từ  $0.1$  đến  $0.2\text{m}$ . Khối lượng san lấp được tính toán theo phương pháp lưới ô vuông, ô lưới được chia theo kích thước cơ bản  $10 \times 10\text{m}$ .

- Vật liệu đắp nền: Chủ yếu sử dụng cát đắp nền, trước khi đắp nền được bóc hữu cơ  $50\text{cm}$ ; hệ số đầm chặt  $K > 90$

#### 7.1.2. Quy hoạch thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước là hệ thống thoát riêng nước mưa và nước thải.

- Đảm bảo thoát nước tự chảy.

Trên cơ sở địa hình hiện trạng, phương án thiết kế quy hoạch chiều cao nền xây dựng đề xuất phương án thoát nước như sau:

+ Thoát nước mưa trong hàng rào:

Xây dựng hệ thống cống ngầm thoát nước chạy dưới các tuyến giao thông, đường kính cống từ  $D600$  đến  $D1000$ . Nước mưa theo hệ thống này thoát vào hệ thống thoát nước chung trên Đại lộ Nam sông Mã đang thi công.

+ Hoàn trả hệ thống mương tưới, tiêu nội đồng: Trong khu C (công viên văn hóa - du lịch) hệ thống tưới tiêu nội đồng được điều chỉnh thiết kế dọc tuyến đường khu vực đảm bảo cho các khu vực dân cư và đất sản xuất nông nghiệp lân cận.



## **7.2. Định hướng quy hoạch giao thông:**

### **7.2.1. Khu A (Khu lưu niệm):**

Đại lộ Nam sông Mã và tuyến đường ra cảng phía Tây khu đất (mặt cắt 1-1) lộ giới 27m (lòng đường 15m; vỉa hè  $2 \times 2 = 12\text{m}$ ).

### **7.2.2. Khu B (Khu lán trại):**

Đường Trần Nhân Tông (Đại lộ Nam sông Mã – Mặt cắt 2-2) lộ giới 46m (lòng đường  $2 \times 8 = 16\text{m}$ ; vỉa hè  $2 \times 5 = 10\text{m}$ ; phân cách 20m).

Đường quy hoạch phía Đông khu đất (mặt cắt 1-1) lộ giới 13,5m (lòng đường 7,5m, vỉa hè  $2 \times 3 = 6\text{m}$ .)

### **7.2.3. Khu C (Khu công viên văn hóa - du lịch):**

#### **a) Giao thông đối ngoại:**

- Đại lộ Nam sông Mã tuyến phía Bắc khu đất (mặt cắt A-A) lộ giới 60m (lòng đường  $2 \times 14 = 28\text{m}$ ; vỉa hè  $2 \times 8 = 16\text{m}$ ; phân cách 16m).

- Đại lộ Nam sông Mã tuyến phía Nam khu đất (mặt cắt B-B) lộ giới 46m (lòng đường  $2 \times 8 = 16\text{m}$ ; vỉa hè  $2 \times 5 = 10\text{m}$ ; phân cách 20m).

- Tuyến đường phía Đông khu vực lập QH (mặt cắt 4-4) lộ giới 16m (lòng đường 7m; vỉa hè  $2 \times 4,5 = 9\text{m}$ ).

#### **b) Giao thông đối nội:**

- Trục chính (trục cảnh quan – mặt cắt 1-1) lộ giới 21m (lòng đường  $2 \times 5,5 = 11\text{m}$ ; vỉa hè  $2 \times 4 = 8\text{m}$ ; phân cách 2m).

#### **- Các tuyến đường nội bộ khác:**

+ Mặt cắt 2-2 lộ giới 9,5m (lòng đường 3,5; vỉa hè  $2 \times 3 = 6\text{m}$ ).

+ Mặt cắt 3-3 lộ giới (trùng lòng đường) 3,5m.

## **7.3. Quy hoạch cấp điện:**

### **- Tổng nhu cầu cấp điện:**

- Khu A và B sử dụng chung nguồn điện cấp cho dân cư khu vực do nhu cầu cấp điện không lớn, điện sử dụng chủ yếu là điện chiếu sáng.

- Nhu cầu cấp điện cho khu C gồm: Khách sạn 4 sao (200 phòng), dịch vụ nghỉ dưỡng (Vila, bungalow khoảng 100 căn) và các dịch vụ khác như nhà

hàng, chiếu sáng sân vườn, cấp điện sinh hoạt cho nhân viên phục vụ (khoảng 100 người). Tổng nhu cầu sử dụng 2,051KW

- Nguồn điện:

Cấp điện cho khu vực nghiên cứu là lộ 477, 475 trạm trung gian 110kV Sầm Sơn có công suất (1x25)MVA-110/22kV. Đầu nối từ đường điện 22kV lộ 477 hiện có phía đường Trần Hưng Đạo.

- Bố trí trạm biến áp:

+ Chi thiết kế trạm biến áp cho khu C. Chọn trạm biến áp dạng tủ đồng bộ, có gam công suất từ 180kVA-400kVA, phân bố đều cho các phụ tải trong khu vực nghiên cứu.

+ Thiết kế bố trí 2 trạm biến áp công suất 400kVA, 3 trạm biến áp 320kVA và 2 trạm 180kVA với tổng công suất là 2.120kVA.

#### **7.4. Định hướng quy hoạch cấp nước:**

- Tổng nhu cầu dùng nước :  $Q \approx 262 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

- Nguồn nước: Từ hệ thống cấp nước sạch hiện có, tuyến ống cấp nước D200 tuyến đường Trần Hưng Đạo.

- Trên cơ sở mạng lưới các tuyến giao thông đô thị đầu tư xây dựng đồng bộ mạng lưới các tuyến ống chính cấp I, II đáp ứng nhu cầu sử dụng của các đối tượng dùng nước.

- Độ sâu chôn ống tối thiểu 0.7m, đường ống được chôn trong hành lang kỹ thuật của các tuyến đường trong đô thị.

- Hạng cứu hỏa được bố trí trên đường ống D100 mm và vị trí đặt ở các ngã ba, ngã tư thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy. Đường kính ống từ D50- D200mm.

#### **7.5. Định hướng quy hoạch thoát nước thải và VSMT:**

##### **7.5.1. Thoát nước thải :**

Sử dụng mạng lưới thoát nước thải và nước mưa riêng. Mạng lưới thoát nước được sử dụng chủ yếu mạng thoát nước kích thước 300mm từ đó thoát ra hệ thống thoát nước chung trên Đại lộ Nam sông Mã đang thi công.

Mạng lưới đường cống truyền dẫn được xây dựng là các đường cống tự chảy có kích thước B300 ÷ B400 mm bằng bê tông cốt thép.

Trên các đường cống đường kính D300, D400 bố trí các giếng thăm cấu tạo, khoảng cách giữa các giếng thăm được thiết kế 20÷40m/giếng. Nước thải từ các khu chức năng trong khu lưu niệm, khu lán B và công viên văn hóa - du lịch sau khi xử lý bằng bể tự hoại hợp quy cách tự đầu nối đường cống thoát nước vào hệ thống cống thoát nước thải chung của khu vực sao cho phù hợp.

Sử dụng trạm xử lý nước thải thị xã Sầm Sơn được bố trí tại khu C để xử lý nước thải sinh hoạt cho 3 khu A, B, C.

#### 7.5.2. Vệ sinh môi trường:

Trong giai đoạn trước mắt sử dụng khu chôn lấp chất thải rắn hiện có Phía Tây phường Trung Sơn. Khi khu liên hợp xử lý chất thải rắn của thành phố Thanh Hóa và vùng phụ cận tại khu vực núi Vàng xã Đông Nam, huyện Đông Sơn vận hành thì chất thải rắn của khu vực sẽ thu gom, vận chuyển và xử lý tại đây.

Chỉ tiêu rác thải trong khu vực, dự kiến là 1,2 kg/ng.ng.đêm. Tỷ lệ thu gom đạt 100%.

### 8. Danh mục các công trình ưu tiên đầu tư:

a) Giai đoạn 1: Xây dựng các hạng mục tại khu A và khu B gồm:

- Khu A: Tượng đài, phù điêu, vườn tượng và bia sự kiện; Nhà lưu niệm và trưng bày hình ảnh, tư liệu và kỷ vật; Cổng, hàng rào và nhà phụ trợ (nhà dịch vụ, vệ sinh chung, trực bảo vệ); “Bến thuyền du lịch” mô phỏng cầu đón tiếp của sự kiện;

- Khu B: Phục dựng Giếng nước sinh hoạt và chậu xây; Khuôn viên cây xanh, đường dạo; Phục dựng một số mẫu lán (trong đó có: Lán quản lý, đón tiếp và trưng bày hình ảnh kỷ vật, lán sinh hoạt cộng đồng, lán dịch vụ lưu trú truyền thống, dân dã; lán phụ trợ); Sắp xếp bài trí nội thất và khung cảnh mô phỏng sinh hoạt; Cổng, tường rào bảo vệ; Bia giới thiệu vị trí, sự kiện.

b) Giai đoạn 2: Xây dựng khu C (Công viên văn hoá, lịch sử) gồm các hạng mục:

\* Khu đón tiếp và điều hành chung:

- Nhà đón tiếp - điều hành, bãi đỗ xe và cổng chính;

- Trung tâm tổ chức sự kiện và Nhà hàng các món ăn truyền thống;

- Khu giới thiệu mô hình sản xuất nghề truyền thống;
- Quảng trường và công viên cây xanh, TDTT;
- Khách sạn 4 sao.
- \* Khu dịch vụ nghỉ dưỡng
- Khu dịch vụ nghỉ dưỡng (Nhà biệt thự, bungalow);
- Khu vui chơi giải trí;
- Khu chăm sóc sức khỏe;
- Nhà hàng;
- \* Công viên lịch sử:
- Mô phỏng nhà bia Lam Kinh;
- Cổng chào Thành Nhà Hồ;
- Mô phỏng cầu Hàm Rồng;
- Công viên lịch sử, văn hóa xứ Thanh;
- Công viên sự kiện Bác Hồ về thăm và kéo lưới ở Sầm Sơn;
- Công viên sự kiện anh hùng Nguyễn Thị Lợi;
- Công viên sự kiện trao trả tù binh thời kỳ chống Pháp và Mỹ;
- Công viên kháng chiến.
- \* Công viên văn hóa:
- Khu công viên văn hóa miền Bắc;
- Khu công viên văn hóa các dân tộc Việt Nam;
- Khu công viên văn hóa và dịch vụ lưu trú miệt vườn Nam bộ;
- Khu công viên văn hóa và dịch vụ lưu trú Tây Nguyên;
- Dịch vụ lưu trú nhà Rừng Huế;
- Dịch vụ lưu trú sông nước miền Tây Nam bộ;
- Mô phỏng bến Đốc - Cà Mau.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- UBND thị xã Sầm Sơn có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ thuyết minh và bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu lưu niệm đón tiếp cán bộ, con em miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954-1955 và công viên văn hóa du lịch thị xã Sầm Sơn theo nội dung trên; gửi Sở Xây dựng kiểm tra đóng dấu, lưu trữ theo quy định, làm cơ sở quản lý thực hiện.

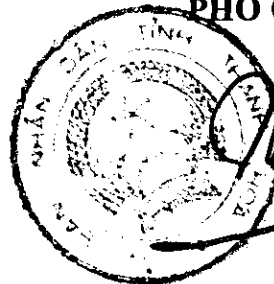
- Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch được duyệt và theo các quy định hiện hành của pháp luật.

## **Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND thị xã Sầm Sơn; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như điều 3 Quyết định;
  - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
  - Lưu: VT, CN.
- H9.(2014)QDPD\_QH1-500\_khu lưu niệm CB tập kết ra Bắc



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Hồi**